

Tổng kết về từ vựng - Bồi dưỡng HSG Ngữ Văn 9

I. Củng cố và mở rộng kiến thức

Nghĩa của từ

Nghĩa của từ là nội dung (sự vật, sự việc, tính chất, hoạt động, quan hệ...) mà từ biểu thị.

Có thể giải thích nghĩa của từ bằng hai cách chính như sau:

Trình bày khái niệm mà từ biểu thị. Ví dụ: tập quán: thói quen của một cộng đồng được hình thành từ lâu trong đời sống xã hội, trong sản xuất và sinh hoạt thường ngày, được mọi người công nhận và làm theo.

Đưa ra những từ đồng nghĩa hoặc trái nghĩa với từ cần giải thích.

Ví dụ: lẫm liệt hùng dũng, oai nghiêm; nao núng: không vững lòng tin ở mình nữa.

HS vận dụng những kiến thức về nghĩa của từ để cảm nhận sự phong phú, tinh tế và giàu sắc thái biểu cảm của hệ thống các từ ngữ trong tiếng Việt; vận dụng trong phân tích văn chương. Rèn luyện kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tạo lập văn bản bằng việc sử dụng từ ngữ hợp lý và đạt hiệu quả cao nhất.

Trường từ vựng

Trường từ vựng là tập hợp của những từ có ít nhất một nét chung về nghĩa. Ví dụ: trường từ vựng về các hoạt động của tay: cầm, nắm, ném, tát, xô...

- Lưu ý.

+ Một trường từ vựng có thể bao hàm nhiều trường từ vựng nhỏ hơn. Mỗi trường từ vựng này lại bao gồm nhiều trường nhỏ hơn.

Ví dụ: trường từ vựng về “mắt”: màu sắc của mắt (đen, nâu, xanh...), hoạt động của mắt (nhìn, ngó, liếc, xem...); bộ phận của mắt (lông mi, lông mày, con người, mí...).

+ Một trường từ vựng có thể bao gồm những từ khác biệt nhau về từ loại. Trong một trường từ vựng có thể gồm nhiều từ loại khác nhau như: danh từ, động từ, tính từ...

Ví dụ: trong trường từ vựng về “mắt” gồm có: đen, nâu, xanh... (tính từ); nhìn, ngó, liếc, xem... (động từ); lông mi, lông mày, con người, mí... (danh từ).

+ Do hiện tượng nhiều nghĩa của từ, nên một từ có thể thuộc nhiều trường từ vựng khác nhau. Ở đây cần phân biệt hiện tượng nhiều nghĩa với hiện tượng đồng âm.

Ví dụ: từ “mặt” bao gồm các trường từ vựng sau: trường bộ phận cơ thể người (nghĩa gốc): mặt, đầu, cổ, chân, tay...) trường bộ phận của sự vật (nghĩa chuyển): mặt đất, mặt nước...

Trong thơ văn cũng như trong cuộc sống hằng ngày, người ta thường dùng cách chuyển trường từ vựng để tăng thêm tính nghệ thuật cho ngôn từ và khả năng diễn đạt (phép nhân hoá ẩn dụ, so sánh...).

Ví dụ:

*Thân em vừa trắng lại vừa tròn
Bảy nổi ba chìm với nước non
Rắn nát mặc dầu tay kẻ nặn
Mà em vẫn giữ tấm lòng son.*

(Hồ Xuân Hương)

Từ xét về ý nghĩa

Từ đồng nghĩa

Từ đồng nghĩa là những từ có nghĩa giống nhau hoặc gần giống nhau. Một từ nhiều nghĩa có thể thuộc vào nhiều nhóm từ đồng nghĩa khác nhau.

Từ đồng nghĩa có hai loại:

+ Từ đồng nghĩa hoàn toàn: không phân biệt nhau về sắc thái nghĩa; có thể thay thế cho nhau. Ví dụ: trái, quả...

+ Từ đồng nghĩa không hoàn toàn: có sắc thái nghĩa khác nhau; không thể thay thế cho nhau. Ví dụ: chết, hi sinh, quy tiên, từ trần, tan xác, nghèo...

Từ trái nghĩa

Từ trái nghĩa là những từ có nghĩa trái ngược nhau. Một từ nhiều nghĩa có thể thuộc nhiều cặp từ trái nghĩa khác nhau. Từ trái nghĩa thường được sử dụng trong thể đối, tạo các hình tượng tương phản, gây ấn tượng mạnh, làm cho lời văn thêm sinh động.

Từ trái nghĩa có hai loại:

+ Từ trái nghĩa không có từ trung gian. Ví dụ: chẵn – lẻ, chết – sống, chiến tranh – hoà bình...

+ Từ trái nghĩa có từ trung gian. Ví dụ: trẻ – già, xấu – đẹp, sâu – cạn...

Từ đồng âm

Từ đồng âm là những từ có cách phát âm giống nhau nhưng nghĩa khác xa nhau, không liên quan gì với nhau.

Ví dụ: – Bức tranh vẽ cảnh làng quê thật đẹp!

Bọn trẻ con đang tranh nhau đồ chơi.

Ngôi nhà tranh nằm yên bình giữa cánh đồng.

Khi sử dụng từ đồng âm, cần chú ý đến ngữ cảnh để tránh gây hiểu lầm. Từ đồng âm thường được dùng trong cách chơi chữ.

Từ nhiều nghĩa

Từ nhiều nghĩa là một từ có nhiều nội dung ý nghĩa, trong đó có một nghĩa gốc và các nghĩa chuyển. Nghĩa gốc là nghĩa xuất hiện từ đầu, là cơ sở của các nghĩa khác.

Ví dụ: Từ mắt là một từ nhiều nghĩa, trong đó: nghĩa gốc: đôi mắt của bạn ấy rất sáng; nghĩa chuyển: mắt cây, mắt cá chân...

Từ xét về nguồn gốc

Từ thuần Việt

Từ thuần Việt là những từ có nguồn gốc từ tiếng Việt. Ví dụ: cá, rau muống, cò...

Từ mượn

Từ mượn là từ của ngôn ngữ nước ngoài được nhập vào ngôn ngữ tiếng Việt để biểu thị những sự vật, hiện tượng, đặc điểm,... mà ngôn ngữ của ta chưa có từ ngữ thích hợp.

Có nhiều cách thức mượn từ:

+ Mượn hoàn toàn: là mượn cả ý nghĩa lẫn vỏ âm thanh của từ nước ngoài (có thay đổi chút ít cho phù hợp với âm của tiếng Việt). Ví dụ: xà phòng, mít tinh, in-tơ-nét,...

+ Mượn ý nghĩa: là mượn ý nghĩa mà tiếng ta chưa có từ thích hợp để biểu thị.

Ví dụ: phụ nữ, tráng sĩ,...

Có một số từ mượn đã được Việt hoá hoàn toàn. Ví dụ: lớp, phanh, mét, lít...

Vay mượn từ vựng là một hiện tượng phổ biến trên thế giới. Đây chính là một biện pháp tích cực làm cho vốn từ ngữ trong ngôn ngữ đầy đủ thêm, phong phú thêm. Tuy vậy, cần sử dụng từ mượn hợp lí để tránh làm cho ngôn ngữ dân tộc bị pha tạp, góp phần giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

Từ Hán Việt

Trong tiếng Việt có một số lượng lớn từ Hán Việt.

Từ Hán Việt là tên gọi những từ gốc Hán được đọc theo hệ thống ngữ âm của người Việt. Các tiếng để cấu tạo nên từ Hán Việt gọi là các yếu tố Hán Việt.

Phần lớn các yếu tố Hán Việt không được dùng độc lập như từ mà chỉ dùng như một yếu tố để tạo từ ghép.

Tác dụng của từ Hán Việt:

+ Tạo sắc thái trang trọng, thể hiện thái độ tôn kính.

Ví dụ: Bác Hồ tặng phụ nữ Việt Nam tám chữ vàng: “Anh hùng-Bất khuất-Trung hậu – Đảm đang”.

+ Tạo sắc thái tao nhã, tránh gây cảm giác thô tục, ghê sợ.

Ví dụ: Chúng tôi tới thăm một lớp học dành cho trẻ em khiếm thị.

+ Tạo sắc thái cổ, phù hợp với không khí xã hội xưa.

Ví dụ: Lí Công Uẩn thiên đô về Thăng Long.

HS vận dụng những kiến thức về nguồn gốc các loại từ: Cảm nhận sự phong phú, tinh tế và giàu sắc thái biểu cảm của hệ thống các từ ngữ trong tiếng Việt. Vận dụng trong phân tích văn chương. Rèn luyện kĩ năng giao tiếp, kĩ năng tạo lập văn bản bằng việc sử dụng từ ngữ hợp lí và đạt hiệu quả cao nhất.

Một số hiện tượng khác về từ

Từ địa phương

Từ địa phương là từ ngữ chỉ sử dụng được ở một (hoặc một số) địa phương nhất định.

Lưu ý một số trường hợp sau:

- + Từ địa phương tương ứng với từ ngữ toàn dân, ví dụ: má – mẹ (miền Nam), tía – bố (miền Bắc), bát-chén (miền Trung)...
- + Từ địa phương chỉ những sự vật, hiện tượng chỉ có riêng ở địa phương đó, không có trong ngôn ngữ toàn dân, ví dụ: chôm chôm (Nam Bộ), mấm rò (miền Trung), nhút (Nghệ – Tĩnh)...
- + Từ địa phương với từ toàn dân đồng âm khác nghĩa, ví dụ: mạ (mẹ) – mạ (cây lúa non), bọ (bố) – bọ (con giòi).

Cách sử dụng từ địa phương: Sử dụng từ địa phương phù hợp với tình huống giao tiếp sẽ làm tăng thêm tính biểu cảm. Ví dụ:

Nỗi niềm chi rứa, Huế ơi!

Mà mưa xối xả trắng trời Thừa Thiên.

(Tố Hữu)

Câu thơ sử dụng từ địa phương chỉ rứa gọi nét gần gũi, duyên dáng.

Trong thơ văn, tác giả có thể sử dụng từ ngữ địa phương để tô đậm màu sắc địa phương, tính cách nhân vật. Không nên lạm dụng từ địa phương gây nặng nề, khó hiểu, phản tác dụng.

Biệt ngữ xã hội

Biệt ngữ xã hội là những từ ngữ được dùng trong một tầng lớp xã hội nhất định do nhu cầu giao tiếp nội bộ.

Ví dụ: biệt ngữ của tầng lớp học sinh: phao (tài liệu), gậy Trường Sơn (một điểm), trúng tủ (trúng đề)...

Cách sử dụng biệt ngữ xã hội: Sử dụng biệt ngữ xã hội phù hợp với tình huống giao tiếp, chỉ nên dùng trong Ích ẩu ngữ, khi đối tượng giao tiếp là người cùng tầng lớp với mình.

Trong các tác phẩm văn học, tác giả có thể sử dụng một số biệt ngữ xã hội. Không nên lạm dụng gây nặng nề, khó hiểu, phản tác dụng.

Thành ngữ

Thành ngữ là một cụm từ có cấu tạo cố định, biểu thị một ý nghĩa hoàn chỉnh. Thành ngữ ngắn gọn, hàm súc, có tính hình tượng, tính biểu cảm cao.

Nghĩa của thành ngữ được hình thành qua lối miêu tả hoặc so sánh, ẩn dụ, hoán dụ, nói quá,...

Ví dụ: chần lăm tay bùn, đi guốc trong bụng, da mồi tóc sương,...

Thành ngữ làm cho câu văn thêm bóng bẩy, giàu tính hình tượng, tính biểu cảm; gia tăng tính dân tộc, tính hàm súc cho thơ văn. Sử dụng thành ngữ nâng cao hiệu quả diễn đạt, vì vậy thành ngữ được dùng nhiều trong ngôn ngữ nghệ thuật và khẩu ngữ. Ví dụ:

Quê hương anh nước mặn, đồng chua

Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá.

(Chính Hữu)

Từ xét về cấu tạo

Từ đơn

Từ đơn là những từ chỉ gồm một tiếng có nghĩa. Ví dụ: nhà, xanh, buồn, vui,...

Từ phức

Từ phức là những từ được cấu tạo bởi hai hay nhiều tiếng. Có hai loại từ phức là từ ghép và từ láy.

Từ ghép

Từ ghép là những từ phức được tạo ra bằng cách ghép các tiếng có quan hệ với nhau về nghĩa.

Có hai loại từ ghép: từ ghép đẳng lập và từ ghép chính phụ.

+ Từ ghép đẳng lập: là loại từ ghép có các tiếng bình đẳng với nhau về mặt ngữ pháp (không phân tiếng chính, tiếng phụ). Ví dụ: nhà cửa, ông bà, trâu bò, sách vở...

+ Từ ghép chính phụ: là loại từ ghép có tiếng chính và tiếng phụ bổ nghĩa cho tiếng chính. Tiếng chính đứng trước, tiếng phụ đứng sau. Ví dụ: ông ngoại, nhà trẻ...

Nghĩa của từ ghép: Từ ghép đẳng lập có tính chất hợp nghĩa. Nghĩa của từ ghép đẳng lập khái quát hơn nghĩa của các tiếng tạo nên nó. Từ ghép chính phụ có tính phân nghĩa. Nghĩa của từ ghép chính phụ hẹp hơn nghĩa của tiếng chính.

(2) Từ láy

Từ láy là những từ phức được tạo ra theo phương thức láy, có sự hoà âm phối thanh, có tác dụng tạo nghĩa giữa các tiếng.

Có hai loại từ láy: từ láy toàn bộ, từ láy bộ phận.

+ Từ láy toàn bộ: là những từ láy có các tiếng lặp lại nhau hoàn toàn, ví dụ: xinh xinh, nho nhỏ, hun hút... Tuy nhiên, cũng có một số trường hợp tiếng đứng trước biến đổi về thanh điệu hoặc phụ âm cuối.

+ Từ láy bộ phận: là những từ láy mà các tiếng có sự giống nhau về phụ âm đầu hoặc phần vần. Ví dụ: lom khom, loắt choắt...

Nghĩa của từ láy được tạo nên nhờ vào đặc điểm âm thanh của tiếng và sự hoà phối âm thanh giữa các tiếng. Trong trường hợp từ láy có tiếng gốc (tiếng có nghĩa) thì nghĩa của từ láy có thể có những sắc thái riêng so với tiếng gốc như sắc thái biểu cảm, sắc thái nhấn mạnh hoặc giảm nhẹ. Từ láy có sắc thái ý nghĩa rất tinh tế. Giá trị chủ yếu của từ láy là gọi tả (tượng hình, tượng thanh) và gọi cảm, được dùng nhiều trong thơ văn, giúp nhà thơ, nhà văn khắc hoạ nên những hình ảnh giàu chất tạo hình, giàu nhạc điệu, có giá trị biểu cảm cao. Ví dụ: Trong bài thơ Sang thu, Hữu Thỉnh đã dùng nhiều từ láy để miêu tả cảnh đất trời lúc sang thu:

*Sương chùng chình qua ngõ
Hình như thu đã về
Sông được lúc dềnh dàng
Chim bắt đầu vội vã*

Xem tiếp tài liệu tại: <https://vn doc.com/tai-lieu-hoc-tap-lop-9>